TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 10 – TP.HCM** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **1306**/2026/QĐST-HNGĐ	*TP. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 7 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 1261/2026/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 6 năm 2026 về việc "Tranh chấp ly hôn" giữa:

1. Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị H,** sinh năm: 1980; CCCD: 038180008862;

Địa chỉ: C ấp C, xã V, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Ông **Nguyễn Văn T,** sinh năm: 1976; CCCD: 079076010068;

Địa chỉ: C ấp C, xã V, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 và Điều 57 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 26 tháng 6 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 26 tháng 6 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn (07) bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1**.** Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn T.

2**.** Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn T thuận tình ly hôn với nhau.

Giấy chứng nhận kết hôn số 175 Quyển số 02/2002 do Ủy ban nhân dân xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Ủy ban nhân dân xã V, Thành phố Hồ Chí Minh) cấp ngày 19/9/2002 không còn giá trị pháp lý kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật.

2.2 Về con chung: Bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn T xác nhận chung sống có 02 con chung tên Nguyễn Thị Diễm M, sinh ngày 23/7/2002 và Nguyễn Trung K, sinh ngày 03/02/2007. Hiện các con đã thành niên.

2.3 Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4 Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn T xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.5 Về án phí: Bà Nguyễn Thị H tự nguyện chịu 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) mà bà Nguyễn Thị H đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0037217 ngày 12/6/2026 của Thi hành án Dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Nguyễn Thị H còn được nhận lại số tiền chênh lệch là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 4, 34 và 36 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 34 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP. HCM;
- VKSND KV 10 – TP. HCM;
- THADS TP . HCM;
- UBND xã Vĩnh Lộc – TP . HCM;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Trần Thị Hồng Cẩm

2000023377200